UBND XÃ THẠCH XUÂN **VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01 /QĐ-VP	*Thạch Xuân, ngày 06 tháng 01 năm 206*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2026 của Văn phòng HĐND và UBND xã Thạch Xuân

CHÁNH VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND XÃ

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017/ của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/9/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1942/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã về việc giao dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2026 cho Văn phòng HĐND và UBND xã;

Xét đề nghị của Kế toán Văn phòng HĐND và UBND xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2026 của Văn phòng HĐND và UBND xã (*theo biểu số 2 đính kèm*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Điều 3. Văn phòng HĐND và UBND, các phòng, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như điều 2;
- Các phòng, đơn vị;
- Lưu: VT.

CHÁNH VĂN PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN
X. THẠCH XUÂN - T. HÀ TĨNH

Trần Thị Thu Trang

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NIÊM YẾT CÔNG KHAI
Công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2026 của Văn phòng HĐND và UBND xã Thạch Xuân

Hôm nay, vào lúc 9 giờ 00 phút ngày 06 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Văn phòng HĐND và UBND xã Thạch Xuân. Chúng tôi gồm có:

I. ĐẠI DIỆN VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND XÃ THẠCH XUÂN:

1. Bà: Trần Thị Thu Trang - Chức vụ: Chánh Văn phòng
2. Bà: Nguyễn Thị Hải Bình - Chức vụ: Phụ trách Kế toán

NỘI DUNG

Tiến hành niêm yết công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2026 của Văn phòng HĐND và UBND xã Thạch Xuân.

Thời gian niêm yết: Bắt đầu vào lúc 09 giờ 00 phút, ngày 06 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Văn phòng HĐND và UBND xã Thạch Xuân và trên Trang thông tin điện tử của Xã Thạch Xuân.

Thời gian niêm yết: 30 ngày, từ ngày 06/01/2026 đến ngày 06/ 02/2026

Biên bản này được lập thành 01 bản

CÁC THÀNH PHẦN THAM GIA KÝ TÊN

CHÁNH VĂN PHÒNG	**PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN**
CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN	
Trần Thị Thu Trang	**Nguyễn Thị Hải Bình**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NIÊM YẾT KẾT THÚC
Công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2026 của Văn phòng HĐND và UBND xã Thạch Xuân

Hôm nay, vào lúc 09 giờ 00 phút ngày 06 tháng 02 năm 2026, tại Văn phòng HĐND và UBND xã Thạch Xuân. Chúng tôi gồm có:

I. ĐẠI DIỆN VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND XÃ THẠCH XUÂN:

1. Bà: Trần Thị Thu Trang - Chức vụ: Chánh Văn phòng

2. Bà: Nguyễn Thị Hải Bình - Chức vụ: Phụ trách Kế toán

NỘI DUNG

Kết thúc niêm yết Công khai số số liệu dự toán ngân sách năm 2026 của Văn phòng HĐND và UBND xã Thạch Xuân.

Thời gian niêm yết: Đã đủ 30 ngày, từ ngày 06/01/2026 đến ngày 06/02/2026.

Biên bản này được lập thành 01 bản

CÁC THÀNH PHẦN THAM GIA KÝ TÊN

CHÁNH VĂN PHÒNG	PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN
Trần Thị Thu Trang	Nguyễn Thị Hải Bình

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ tài chính

Đơn vị: Văn phòng HĐND và UBND xã Thạch Xuân

Chương: 830

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Năm 2026

(Kèm theo Quyết định số 1492/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đơn vị tính : Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm
1	2	3
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	
I	**Số thu phí, lệ phí**	
1	**Lệ phí**	
2	**Phí**	
II	**Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại**	
1	**Chi sự nghiệp**	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	**Chi quản lý hành chính**	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**	
1	**Lệ phí**	
2	**Phí**	
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**41.274.471.000**
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**41.274.471.000**
1	**Chi quản lý hành chính**	**11.379.093.000**
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	11.006.002.000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	373.091.000
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**	**150.000.000**
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	150.000.000
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	**2.592.000.000**
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.592.000.000
5	**Chi bảo đảm xã hội**	**21.912.378.000**
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	21.912.378.000
6	**Chi hoạt động kinh tế**	**2.041.000.000**
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.041.000.000
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	**900.000.000**

7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	900.000.000
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	**250.000.000**
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	250.000.000
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	**81.000.000**
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	81.000.000
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	**115.000.000**
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	115.000.000
11	**Chi Quốc Phòng**	**1.521.000.000**
11.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
11.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.521.000.000
12	**Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội**	**333.000.000**
12.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
12.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	333.000.000
II	**Nguồn vốn viện trợ**	
1	**Chi quản lý hành chính**	
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	
5	**Chi bảo đảm xã hội**	
6	**Chi hoạt động kinh tế**	
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**	
1	**Chi quản lý hành chính**	
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	
5	**Chi bảo đảm xã hội**	
6	**Chi hoạt động kinh tế**	
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	